

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04/02/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 811/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1987; thường trú: số 151 (số cũ 11/6) đường Cây Giăng – Cây Sao, khu phố N, phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh D, sinh năm 1983, thường trú: số 63/15 đường Lý Thường Kiệt, khu phố T, phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Thị Thanh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Bùi Minh D sau thời gian tìm hiểu nhau thì tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 06 tháng 7 năm 2007, Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2007, quyển số 01. Sau kết hôn hai vợ chồng về sống chung tại nhà số 63/15 đường Lý Thường Kiệt, khu phố T, phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, hai vợ chồng dường như không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng không còn yêu thương nhau, không ai còn quan tâm đến ai, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng và ngột ngạt.

Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Minh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 06/6/2012 và Bùi Nguyễn Trúc L, sinh ngày 30/4/2011. Sau khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Bùi Minh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Bùi Minh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu anh Bùi Minh D có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh V nhưng anh Bùi Minh D không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/11/2020 nhưng anh D vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị V.

- Ngày 10/11/2020 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Bùi Minh D tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường D1 và được cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Thanh V không phải là hội viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị V không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ phường D1 cũng không có tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường D1 không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Bùi Minh D. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về

tổ tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Bùi Minh D, anh D cư trú tại số 63/15 đường Lý Thường Kiệt, khu phố T, phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Bùi Minh D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 04/02/2021 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Bùi Minh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Bùi Minh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 06 tháng 7 năm 2007, Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2007, quyển số 01 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Thanh V cho rằng quá trình chung sống anh Bùi Minh D và chị không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Vì vậy, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Anh Bùi Minh D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh D đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị V yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh V.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 06/6/2012 và Bùi Nguyễn Trúc L, sinh ngày 30/4/2011. Cháu T hiện nay đang ở với mẹ, còn cháu L đang sống cùng với anh Bùi Minh D. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Bùi Minh D vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con chung, để bảo đảm quyền lợi của phụ nữ và con khi ly hôn việc giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều

81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị V về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh V tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Minh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của chị V là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với anh Bùi Minh D (Giấy chứng nhận kết hôn 168/2007, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06 tháng 7 năm 2007).

2. Về con chung: Anh Bùi Minh D giao con chung Bùi Nguyễn Trúc L, sinh ngày 30/4/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thanh V được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Bùi Nguyễn Khánh T, sinh ngày 06/6/2012 và Bùi Nguyễn Trúc L, sinh ngày 30/4/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu anh Bùi Minh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Bùi Minh D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048666 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà